

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 -9-2021

V/v ly hôn giữa chị H và anh T

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Gấm.

**- *Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Trần Thị Định.

Bà Nguyễn Thị Dung.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST - HNGĐ ngày 07-7-2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-9-2021 giữa các đương sự:

**1. *Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Ngọc H; sinh năm 1996.

Nơi ĐKKHKT tại: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Số 106/14 C, phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

**- *Bị đơn:*** Anh Trần Bích T; sinh năm 1994.

Cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị H, anh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 05-7-2021, bản tự khai ngày 09-7-2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Bích T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định ngày 09-02-2018. Sau kết hôn anh chị sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung của vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi chửi nhau; anh T đã đánh chửi chị dẫn đến hạnh phúc vợ chồng mất

dần. Anh chị sống ly thân từ tháng 6-2020 đến nay. Từ thời điểm sống ly thân chị và anh T không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị H xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Vì vậy chị H xin được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung là cháu Trần Bích Trung Q, sinh ngày 04-6-2018. Từ thời điểm vợ chồng chị sống ly thân thì cháu Q được chị H nuôi dưỡng. Ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Chị H cương quyết nhận nuôi con và không nhường quyền nuôi con cho anh T vì lý do cháu Q còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ, mặt khác cháu Q chủ yếu sinh sống cùng chị từ ngày cháu còn nhỏ đến thời điểm này. Trong một năm chị và anh T sống ly thân chị đã nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt, cháu Q đã sinh sống ổn định với mẹ và quen với nếp sống cùng mẹ. Hiện nay chị đang mở cửa hàng buôn bán quần áo cùng với bố mẹ đẻ của chị ở địa chỉ Số 106/14 C, phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, mẹ con chị đã đăng ký tạm trú ở địa chỉ này; đây là nhà riêng của bố mẹ chị và bố mẹ chị tạo điều kiện cho mẹ con chị có nơi ở ổn định, phụ giúp chị chăm sóc con. Thu nhập bình quân hàng tháng của tôi là trên 20.000.000 đồng nên đảm bảo đủ điều kiện nuôi con. Từ thời điểm chị và anh T sống ly thân thì chị nuôi con 1 mình, anh T không quan tâm, hỏi thăm gì về con cái.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị và anh T không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải xem xét giải quyết.

\* Tại bản tự khai ngày 09-7-2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Trần Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng đăng ký kết hôn, thời gian vợ chồng sống hạnh phúc như chị H đã trình bày. Theo anh T, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất nguồn từ kinh tế, vì kinh tế khó khăn, thu nhập của anh trong thời gian vợ chồng chung sống chưa cao nên vợ chồng thường cãi chửi nhau vì kinh tế. Đến tháng 6-2020 vợ chồng cãi chửi nhau và chị H đưa con đi khỏi nhà. Anh T xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng nhưng bản thân anh vẫn muốn duy trì quan hệ vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con. Nhưng nếu chị H vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Trần Bích Trung Q, sinh ngày 04-6-2018. Từ ngày anh và chị H sống ly thân thì cháu Q được chị H nuôi dưỡng. Chị H nói anh không quan tâm đến con là không đúng vì khi chị H đưa con bỏ đi, anh đã rất tức giận nên không liên lạc với chị H, tuy nhiên anh có đưa cho mẹ anh 2.000.000 đồng để gửi chị H nuôi con, sau đó chị H gửi tiền trả lại anh. Ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Hiện nay anh làm lái xe cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phát Thành Nam ở thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định với thu nhập bình quân là 12.000.000

đồng/tháng nên đảm bảo đủ điều kiện nuôi con. Anh không đồng ý cho chị H nuôi con vì anh có nơi ở ổn định, có thu nhập, gia đình anh chỉ có mình anh là con trai, gia đình chị H theo Đạo Thiên Chúa, anh không muốn con anh sau này đi theo Đạo Thiên Chúa...

Về tài sản, công nợ và nội dung khác liên quan: Chúng tôi không có nên tôi cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Tại đơn đề nghị ngày 24-8-2021, ông Trần Văn H và bà Trần Thị B là bố mẹ đẻ của chị H trình bày: Tháng 6-2020 chị H đưa con vào nhà ông bà ở số 106/14, Cốc, phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, mẹ con chị H đã đăng ký tạm trú ở đây. Trong quá trình sinh sống, chị H đã kinh doanh quần áo cùng gia đình ông bà. Ông H và bà B khẳng định chị H nuôi con rất tốt, cháu Q được học tập và phát triển tốt, ông bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và phụ chị H chăm sóc cháu Q. Đề nghị Tòa án giao con cho chị H nuôi dưỡng.

\* Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 19-8-2021, Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp như sau: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Trần Bích T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V vào ngày 09-02-2018, hiện nay anh T và chị H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; tuy nhiên chị H đã đưa con đi nơi khác sinh sống khoảng 01 năm nay, còn anh T vẫn sinh sống tại địa phương.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Ngọc H và anh Trần Bích T.

- + Về con chung: Giao cháu Trần Bích Trung Q, sinh ngày 04-6-2018 cho chị Trần Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

- + Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- + Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc H phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Bích T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Trần Bích T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V vào ngày 09-02-2018, như vậy hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do tính tình vợ chồng không hợp, anh T thường đánh, chửi chị. Anh T xác định những mâu thuẫn gia đình phát sinh từ mâu thuẫn về kinh tế, kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng thường cãi chửi nhau. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 7-2020 đến nay. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị H và anh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh chị đã có thời gian sống ly thân từ tháng 7-2020 đến nay. Như vậy, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân gia đình của chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H và anh T cùng nhất trí ly hôn do đó Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Trần Bích T có 01 con chung là cháu Trần Bích Trung Q, sinh ngày 04-6-2018; hiện nay cháu Q đang được chị H nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh T đều có nguyện vọng nuôi con, anh chị có sức khỏe, có công việc và có thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, cháu T còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, mặc khác cháu T đã được chị H nuôi dưỡng từ nhỏ, cháu đã có cuộc sống ổn định với mẹ; thời gian qua chị H nuôi con tốt, đảm bảo cho con được học tập, phát triển bình thường. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị H là giao cháu Trần Bích Trung Q cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc H tự nguyện nộp toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc H và anh Trần Bích T.

## 2. Về con chung:

- Giao cháu Trần Bích Trung Q, sinh ngày 04-6-2018 cho chị Trần Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Q trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Anh Trần Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị Ngọc H.

Anh Trần Bích T có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở, nhưng anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trần Thị Ngọc H.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc H tự nguyện nộp 300.000 đồng . Chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2019/0001195 ngày 07-7-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (Chị H đã nộp đủ)

Chị Trần Thị Ngọc H và anh Trần Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

### **Nơi nhận**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã H;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Gấm**